FireAnt

CTCP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản (HSX: DAT)

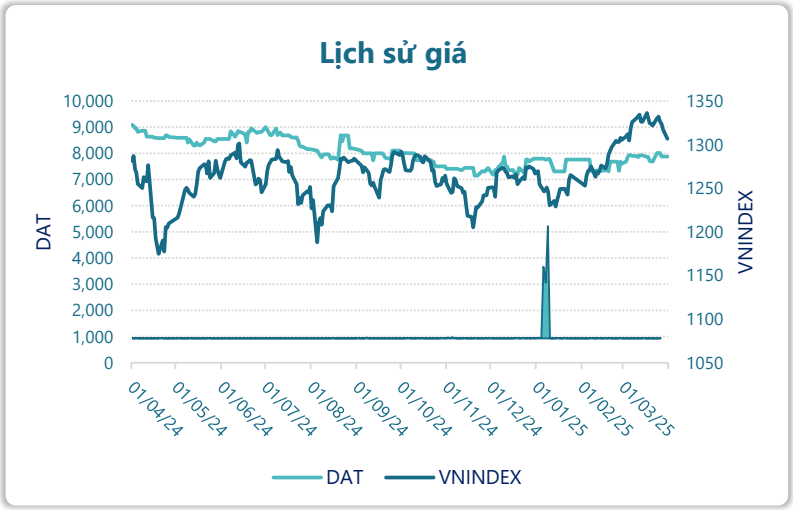

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**7,880**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,091
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,150
SL cổ phiếu LH	69,228,341
KLGD BQ 20 phiên (CP)	595
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	546
P/E	9.4
EPS	841

DT thuần

Q1/25

581

tỷ VNĐ

QoQ: ▼74.0| -11.3%

YoY: ▼124| -17.6%

LN sau thuế

Q1/25

13.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.00| -6.7%

YoY: ▼0.70| -4.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

3.4%

+/- YoY: ▼ 1.5%

DT thuần

2024

2,939

tỷ VNĐ

YoY: ▼1.00| 0.0%

LN sau thuế

2024

58.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼16.4| -21.8%

ROE

2024

6.8%

+/- YoY: ▼ 2.6%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

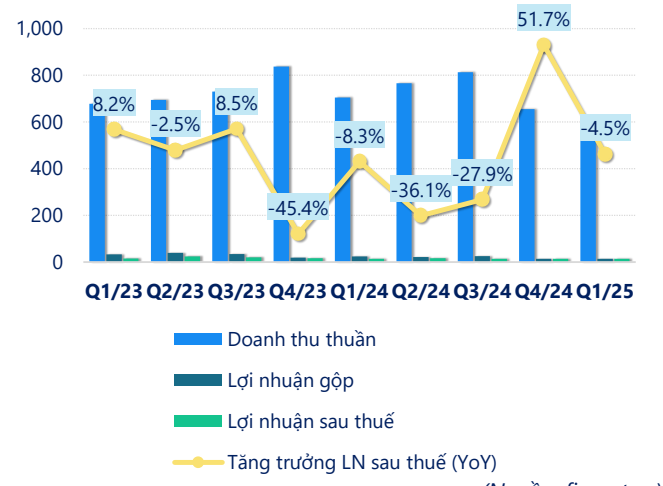

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

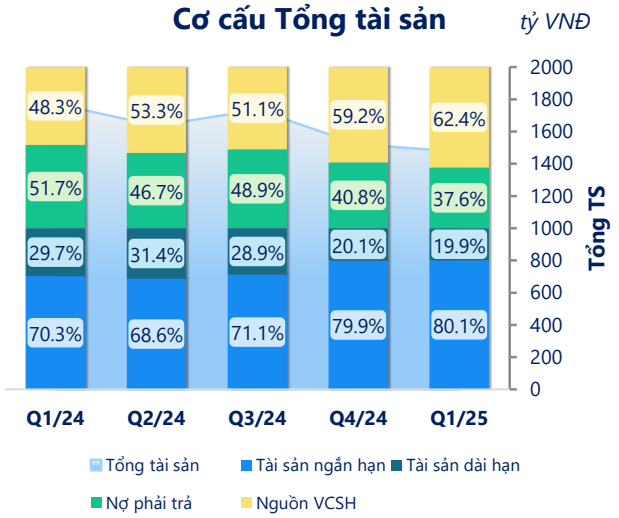

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

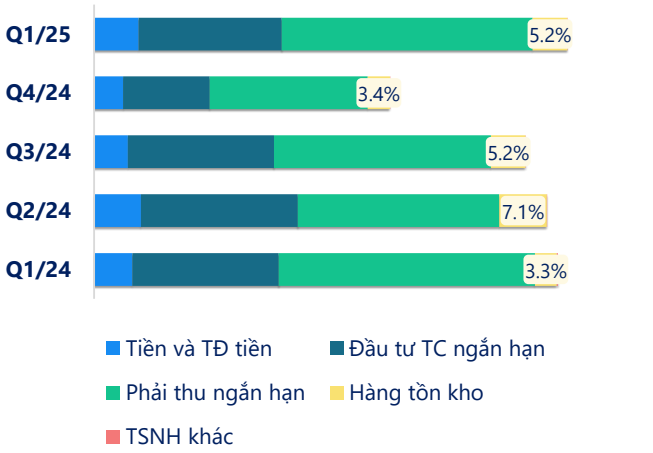

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

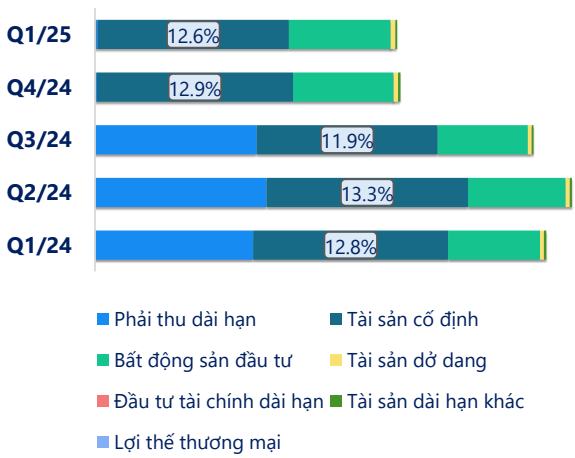

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

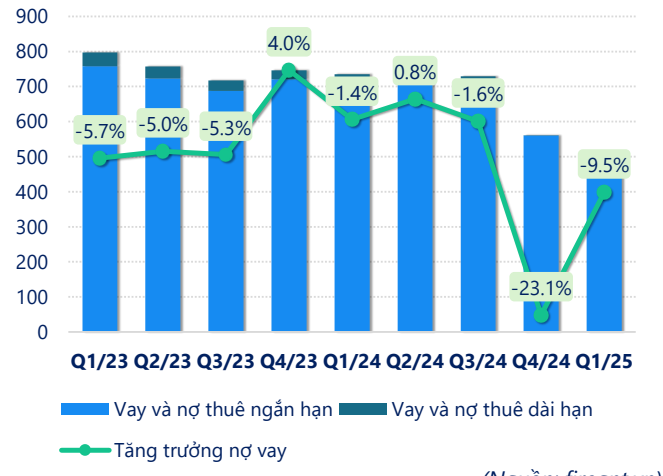

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

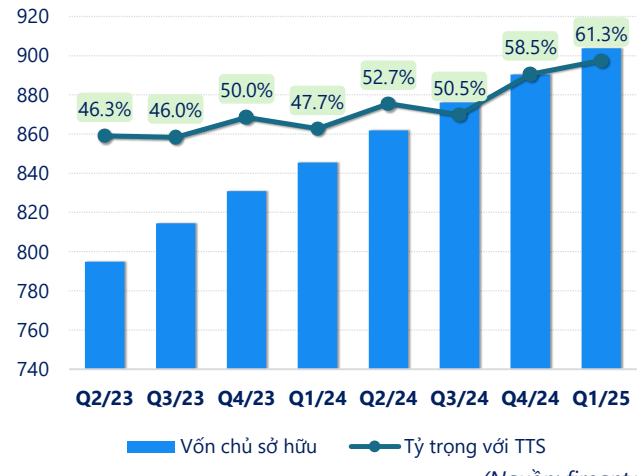

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

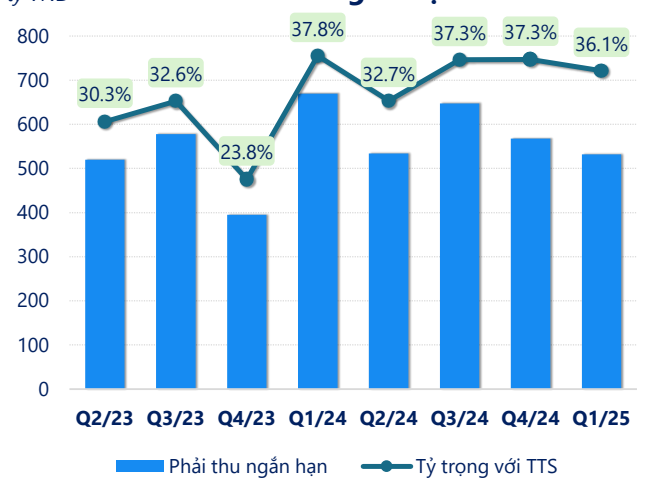

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

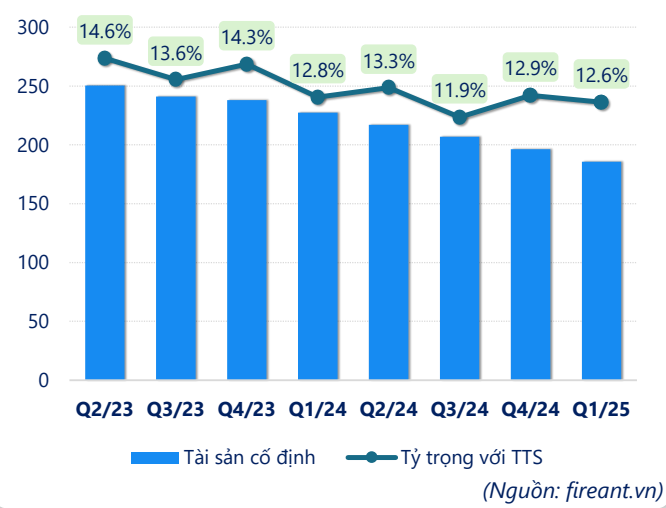

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

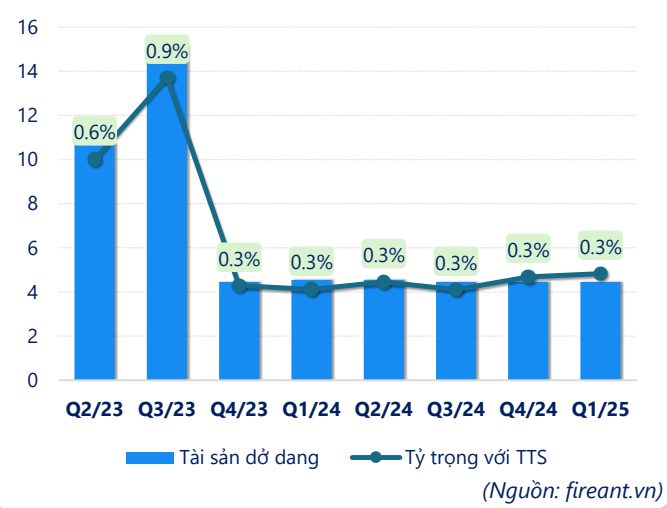

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

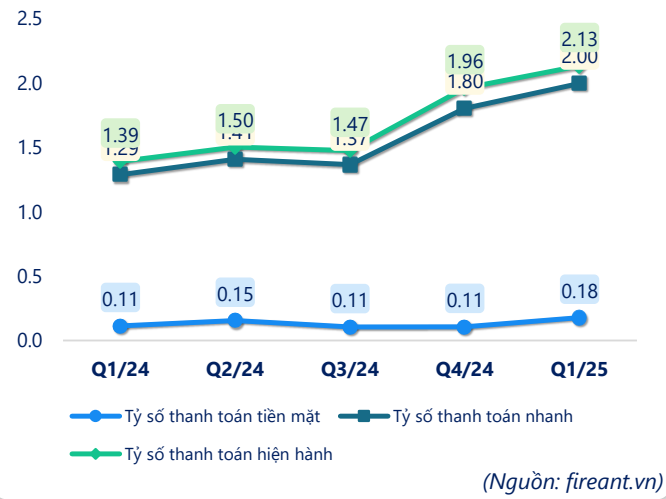

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

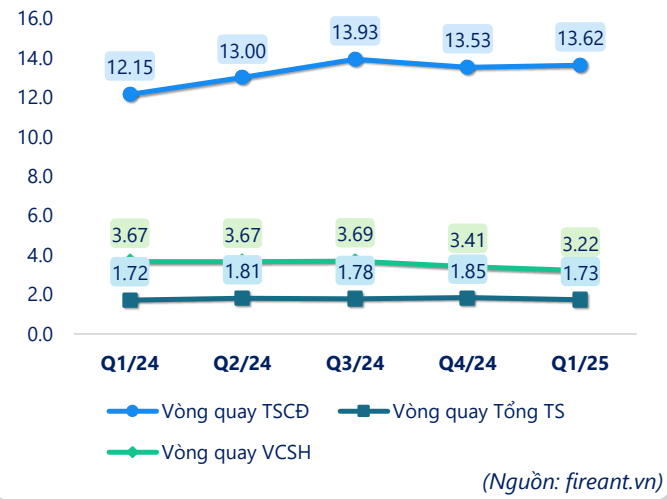

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**1,772**	**1,635**	**1,735**	**1,521**	**1,475**
Tài sản ngắn hạn	**1,246**	**1,122**	**1,234**	**1,215**	**1,181**
Tiền và tương đương tiền	102	115	88.0	66.3	98.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	382	403	409	483	475
Phải thu ngắn hạn	669	534	647	568	532
Hàng tồn kho	92.2	69.4	89.7	98.0	75.5
Tài sản ngắn hạn khác	0.21	0.12	0.04	0	0
Tài sản dài hạn	**526**	**513**	**501**	**306**	**293**
Phải thu dài hạn	185	185	185	1.90	2.60
Tài sản cố định	227	217	207	196	186
Bất động sản đầu tư	107	105	103	101	98.8
Tài sản dở dang	4.55	4.55	4.45	4.45	4.45
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	2.71	2.33	2.00	2.20	1.89
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**917**	**763**	**849**	**621**	**555**
Nợ ngắn hạn	**896**	**748**	**838**	**620**	**554**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	715	726	718	560	507
Phải trả người bán ngắn hạn	173	11.7	110	14.6	29.7
Nợ dài hạn	20.3	15.7	11.0	0.35	0.35
Vay và nợ thuê dài hạn	20.3	15.7	11.0	0.35	0.35
Nguồn vốn chủ sở hữu	**856**	**872**	**886**	**901**	**920**
Vốn chủ sở hữu	**845**	**862**	**876**	**890**	**904**
Vốn điều lệ	629	629	692	692	692
Kinh phí và quỹ khác	10.3	10.3	10.3	10.3	16.7

(Nguồn: fireant.vn)